

Số: 112/2025/VSC

Hà Phòng, ngày 11 tháng 08 năm 2025

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các quy định công bố thông tin của tổ chức niêm yết trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Container Việt Nam (mã chứng khoán: VSC) xin giải trình về việc Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2025 so với báo cáo cùng kỳ năm trước có biến động từ 10% trở lên trên **Báo cáo tài chính riêng sau kiểm toán** như sau:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	Chênh lệch giảm	Tỷ lệ giảm (%)
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN	207,430,801,031	260,014,360,055	-52,583,559,024	- 20,22 %

Nguyên nhân chủ yếu:

Trong 6 tháng đầu năm 2025, Công ty ghi nhận các khoản cổ tức, lợi nhuận thu về từ Công ty con thấp hơn 123 tỷ so với cùng kỳ năm 2024.

Tuy nhiên, cũng trong 6 tháng đầu năm 2025, Công ty đã ghi nhận tăng lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh thuần, tăng lợi nhuận từ hoạt động đầu tư kinh doanh chứng khoán, các chi phí vận hành doanh nghiệp được duy trì ổn định so với cùng kỳ năm 2024

Do đó, lợi nhuận sau thuế TNDN 6 tháng đầu năm 2025 của Công ty đã ghi nhận giảm 52,583,559,024 đồng, tương ứng với tỷ lệ giảm 20,22% so với cùng kỳ 6 tháng đầu năm 2024.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT, TCKT

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY
CỔ PHẦN
CONTAINER
VIỆT NAM
VICONSHIP

D. NGUYỄN T. P. HÀI PHÒNG

TỔNG GIÁM ĐỐC
Tạ Công Thành

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025



CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	3
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ (Mẫu số B 01 – DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ (Mẫu số B 02 – DN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ (Mẫu số B 03 – DN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (Mẫu số B 09 – DN)	9

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp Số 0200453688 đề ngày 1 tháng 4 năm 2002

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các thay đổi Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi gần nhất (lần thứ 33) được cấp ngày 14 tháng 7 năm 2025.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Xuân Dũng

Chủ tịch

(từ ngày 25/4/2025)

Ông Nguyễn Đức Dũng

Chủ tịch

(đến ngày 25/4/2025)

Ông Tạ Công Thông

Thành viên

(từ ngày 25/4/2025)

Ông Ninh Văn Hiến

Thành viên

Bà Trần Thị Phương Anh

Thành viên

Ông Phan Tuấn Linh

Thành viên

(đến ngày 25/4/2025)

Ban Kiểm soát

Bà Đoàn Thị Lan Anh

Trưởng ban

(từ ngày 25/4/2025)

Ông Nguyễn Đức Thành

Trưởng ban

(đến ngày 25/4/2025)

Bà Nghiêm Thị Thùy Dương

Thành viên

Bà Phan Thị Trung Hiếu

Thành viên

(từ ngày 25/4/2025)

Bà Ngô Thị Thùy Lương

Thành viên

(đến ngày 25/4/2025)

Ban Giám đốc

Ông Tạ Công Thông

Tổng Giám đốc

Bà Trương Anh Thư

Phó Tổng Giám đốc

Ông Vũ Ngọc Lâm

Giám đốc Tài chính

Ông Nguyễn Đức Thành

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

(từ ngày 5/5/2025)

Ông Nguyễn Thế Trọng

Phó Tổng Giám đốc

(đến ngày 1/1/2025)

Người đại diện theo pháp luật

Ông Tạ Công Thông

Tổng Giám đốc

Trụ sở chính

Số 11 Võ Thị Sáu, Phường Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Container Việt Nam ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giá định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính riêng của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Phê chuẩn báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 đính kèm từ trang 5 đến trang 54. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

Thay mặt Ban Giám đốc của Công ty



Tạ Công Thông
Tổng Giám đốc/
Người đại diện theo pháp luật

Hải Phòng, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 20 tháng 8 năm 2025

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Container Việt Nam (“Công ty”) được lập ngày 30 tháng 6 năm 2025, và được Ban Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 20 tháng 8 năm 2025. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này bao gồm: bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 54.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)
Số 29, Đường Lê Duẩn, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
+84 (28) 3823 0796

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

Đỗ Đức Hậu
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
2591-2023-006-1
Người được ủy quyền

Số hiệu báo cáo soát xét: HAN 4194
TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 8 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30/6/2025 VND	31/12/2024 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.345.734.333.426	575.567.640.137
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	78.534.048.847	24.687.957.151
111	Tiền		20.034.048.847	23.787.957.151
112	Các khoản tương đương tiền		58.500.000.000	900.000.000
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn		1.173.970.508.614	406.540.895.913
121	Chứng khoán kinh doanh	9(a)	1.174.380.924.918	431.605.771.080
122	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	9(a)	(410.416.304)	(26.064.875.167)
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	9(b)	-	1.000.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		67.179.000.409	131.855.073.109
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	17.559.251.928	9.460.178.040
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		7.600.645.749	1.488.972.671
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	5	-	44.666.666.668
136	Phải thu ngắn hạn khác	6	42.337.431.253	76.557.584.251
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(318.328.521)	(318.328.521)
140	Hàng tồn kho		996.917.266	26.344.809
141	Hàng tồn kho		996.917.266	26.344.809
150	Tài sản ngắn hạn khác		25.053.858.290	12.457.369.155
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		1.349.296.179	59.296.179
152	Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ	10(a)	22.476.546.920	10.892.687.241
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	10(b)	1.228.015.191	1.505.385.735
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		5.512.725.740.809	5.304.158.021.615
220	Tài sản cố định		176.532.839.142	29.125.985.207
221	Tài sản cố định hữu hình	8(a)	171.114.986.141	23.708.132.206
222	Nguyên giá		227.365.694.000	75.265.694.000
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(56.250.707.859)	(51.557.561.794)
227	Tài sản cố định vô hình	8(b)	5.417.853.001	5.417.853.001
228	Nguyên giá		6.099.124.701	6.099.124.701
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(681.271.700)	(681.271.700)
250	Đầu tư tài chính dài hạn		5.321.444.915.462	5.259.424.463.830
251	Đầu tư vào công ty con	9(c)	4.683.516.422.609	4.623.516.422.609
252	Đầu tư vào công ty liên kết	9(d)	772.030.224.450	774.032.724.450
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	9(e)	155.000.000	155.000.000
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	9(c,d)	(134.256.731.597)	(138.279.683.229)
260	Tài sản dài hạn khác		14.747.986.205	15.607.572.578
261	Chi phí trả trước dài hạn	7	7.747.986.205	9.607.572.578
268	Tài sản dài hạn khác		7.000.000.000	6.000.000.000
270	TỔNG TÀI SẢN		6.858.460.074.235	5.879.725.661.752

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 54 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
(TIẾP THEO)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30/6/2025 VND	31/12/2024 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		2.835.998.101.126	2.027.435.980.174
310	Nợ ngắn hạn		1.096.349.241.168	377.939.427.737
311	Phải trả người bán ngắn hạn		3.242.509.325	3.088.620.156
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.089.335.134	1.089.335.134
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10(c)	5.646.958.126	214.242.000
314	Phải trả người lao động		1.590.068.820	1.701.896.743
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	11	42.417.702.334	40.848.112.220
319	Phải trả ngắn hạn khác	12	287.605.735.285	110.785.417.543
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13(a)	742.969.108.786	214.530.280.583
322	Quý khen thưởng, phúc lợi	14	11.787.823.358	5.681.523.358
330	Nợ dài hạn		1.739.648.859.958	1.649.496.552.437
337	Phải trả dài hạn khác		30.000.000	30.000.000
338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13(b)	1.738.807.784.958	1.647.591.677.437
342	Dự phòng phải trả dài hạn		811.075.000	1.874.875.000
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		4.022.461.973.109	3.852.289.681.578
410	Vốn chủ sở hữu		4.022.461.973.109	3.852.289.681.578
411	Vốn góp của chủ sở hữu	15,16	3.743.703.620.000	2.867.968.190.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		3.743.703.620.000	2.867.968.190.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	16	-	39.403.521.246
418	Quý đầu tư phát triển	16	27.265.771.003	646.734.369.757
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	16	251.492.582.106	298.183.600.575
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		44.061.781.075	38.332.228.520
421b	- LNST chưa phân phối của kỳ/năm nay		207.430.801.031	259.851.372.055
440	TỔNG NGUỒN VỐN		6.858.460.074.235	5.879.725.661.752


Đoàn Thị Phương Thảo
Người lập

Phạm Thanh Tuấn
Kế toán trưởng


Tạ Công Thông
Tổng Giám đốc/
Người đại diện theo pháp luật
Ngày 20 tháng 8 năm 2025

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 54 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	Thuyết minh	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày	
		30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	75.742.612.251	22.103.662.575
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	75.742.612.251	22.103.662.575
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(57.628.321.085)	(10.658.471.685)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.114.291.166	11.445.190.890
21	Doanh thu hoạt động tài chính	296.996.997.149	375.062.803.668
22	Chi phí tài chính	(67.109.029.371)	(88.429.987.430)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(81.230.317.073)	(51.418.628.974)
25	Chi phí bán hàng	(2.719.633.052)	-
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(37.850.785.766)	(31.610.716.117)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	207.431.840.126	266.467.291.011
31	Thu nhập khác	156.153	1.057.821.796
32	Chi phí khác	(84.700)	(7.509.811.724)
40	Thu nhập/(chi phí) khác	71.453	(6.451.989.928)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	207.431.911.579	260.015.301.083
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	(1.110.548)	(941.028)
52	Thuế TNDN hoãn lại	-	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	207.430.801.031	260.014.360.055

Đoàn Thị Phương Thảo
Người lập

Phạm Thanh Tuấn
Kế toán trưởng



Ta Công Thông
Tổng Giám đốc/
Người đại diện theo pháp luật
Ngày 20 tháng 8 năm 2025


Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 54 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)


Mã số	Thuyết minh	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày	
		30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	207.431.911.579	260.015.301.083
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	4.693.146.065	1.825.525.894
03	(Giảm)/tăng các khoản dự phòng	(30.741.210.495)	36.084.248.508
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(114.523.294)	(266.221.051)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(238.192.928.600)	(364.659.300.500)
06	Chi phí lãi vay và các chi phí đi vay khác	81.230.317.073	51.418.628.974
08	Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	24.306.712.328	(15.581.817.092)
09	Giảm các khoản phải thu	7.601.617.172	3.591.315.645
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho	(970.572.457)	18.549.195
11	Tăng các khoản phải trả	287.451.939	33.391.572.865
12	Giảm chi phí trả trước	569.586.373	5.610.687.493
13	Tăng chứng khoán kinh doanh	(742.775.153.838)	(29.683.578.552)
14	Tiền lãi vay đã trả	(70.060.781.607)	(53.208.340.132)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(6.641.800.000)	(5.874.591.232)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(787.682.940.090)	(61.736.201.810)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(152.100.000.000)	(53.318.182)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	(7.000.000.000)	-
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	52.666.666.668	1.894.736.842
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(60.000.000.000)	(1.581.000.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	2.002.500.000	216.207.541.998
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	266.596.394.452	353.899.006.284
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	102.165.561.120	(1.009.052.033.058)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	127.040.000.000	1.333.956.420.000
33	Tiền thu từ đi vay	1.281.732.905.096	228.053.777.671
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(669.523.957.724)	(329.419.145.659)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	739.248.947.372	1.232.591.052.012
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	53.731.568.402	161.802.817.144
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	3 24.687.957.151	11.240.125.866
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	114.523.294	266.221.051
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3 78.534.048.847	173.309.164.061

Các thông tin liên quan tới báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ được trình bày tại Thuyết minh 25.


Đoàn Thị Phương Thảo
Người lập


Phạm Thanh Tuấn
Kế toán trưởng




Ông Thông
Tổng Giám đốc/
Người đại diện theo pháp luật
Ngày 20 tháng 8 năm 2025

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 54 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Container Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0200453688 đề ngày 1 tháng 4 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được thay đổi nhiều lần và lần gần nhất (lần thứ 33) được cấp ngày 14 tháng 7 năm 2025.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch cổ phiếu là VSC.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là cung cấp các dịch vụ logistics, thực hiện các hoạt động đầu tư tài chính và quản lý các khoản đầu tư.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không chịu ảnh hưởng bởi tính thời vụ mà phụ thuộc vào biến động của thị trường.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty có 2 chi nhánh trực thuộc hạch toán phụ thuộc. Chi tiết như sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Container Việt Nam – Xi nghiệp cảng Viconship
Địa chỉ: Số 1, Đường Ngô Quyền, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Địa chỉ: Số 2F Đường số 4(F), Cư xá Ngân Hàng, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty có 64 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 64 nhân viên).

Trình bày về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu của báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 đã được soát xét.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty có 8 công ty con nắm giữ trực tiếp, 2 công ty con nắm giữ gián tiếp qua các công ty con khác và 3 công ty liên kết (Thuyết minh 9) như sau:

	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	30/6/2025		31/12/2024	
		Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty con trực tiếp					
1) Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	Hải Phòng	74,35%	74,35%	74,35%	74,35%
2) Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh	Hải Phòng	66,34%	66,34%	66,34%	66,34%
3) Công ty Cổ phần Container Miền Trung	Đà Nẵng	65,00%	65,00%	65,00%	65,00%
4) Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi Sao Xanh	Hải Phòng	100%	100%	100%	100%
5) Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	Hải Phòng	100%	100%	100%	100%
6) Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	Hải Phòng	100%	100%	100%	100%
7) Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	100%	100%	100%	100%
8) Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ (từ 18/7/2024)	Hải Phòng	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%
Công ty con gián tiếp					
1) Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ	Hải Phòng	100%	100%	100%	100%
2) Công ty Cổ phần Container Quy Nhơn	Quy Nhơn, Bình Định	54,60%	65,00%	54,60%	65,00%
Công ty liên kết					
1) Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	Đà Nẵng	30,90%	30,90%	30,90%	30,90%
2) Công ty TNHH Tuyến Container T.S. Hà Nội (đến ngày 23/1/2025)	Hải Phòng	-	-	30,00%	30,00%
3) Công ty Cổ phần Cảng VIMC Đình Vũ	Hải Phòng	36,00%	36,00%	36,00%	36,00%
4) Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship	Hải Phòng	40,01%	40,01%	40,01%	40,01%

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Ngoài ra, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, các công ty con là những công ty mà Tập đoàn kiểm soát các chính sách hoạt động và tài chính, đã được hợp nhất đầy đủ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng").

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÁI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ kế toán. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tới ngày đến hạn thu hồi.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kế toán kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong kỳ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.8 Đầu tư tài chính

(a) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán do Công ty nắm giữ cho mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua chứng khoán kinh doanh. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán kinh doanh được lập khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường của các khoản chứng khoán kinh doanh này. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Thời điểm ghi nhận chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh; và
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Lãi hoặc lỗ từ việc thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng với mục đích thu lãi hàng kỳ. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Công ty thực hiện việc rà soát đối với các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ đến ngày đáo hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.8 Đầu tư tài chính (tiếp theo)

(c) Đầu tư vào công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không.

Đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá trị góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

(d) Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

(e) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

(f) Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối kỳ kế toán khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính tương tự như dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.9 Cho vay

Cho vay là các khoản cho vay với mục đích thu lãi hàng kỳ theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản còn chưa thu để ghi nhận dự phòng các khoản cho vay khó đòi vào cuối kỳ kế toán.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Cho vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản cho vay tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ đến ngày tới hạn thu hồi.

2.10 TSCĐ

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ kế toán.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 – 7 năm
Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
Thiết bị quản lý	3 – 5 năm
Phần mềm máy tính	3 – 5 năm

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất không thời hạn và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.10 TSCĐ (tiếp theo)

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kì mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.11 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất không được ghi nhận vào tài sản vô hình theo chính sách kế toán số 2.11 thì ghi nhận vào chi phí trả trước và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê trả trước.

2.13 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại và không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tới ngày đến hạn thanh toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.14 Vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng, tổ chức tài chính, công ty tài chính và các đối tượng khác.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Công ty xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ kế toán, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

2.15 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ kế toán nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán. Chi phí phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán.

2.16 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.17 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi kỳ kế toán theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân theo hợp đồng lao động của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày kết thúc kỳ kế toán này.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

2.18 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi hoặc lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty tại thời điểm báo cáo.

2.19 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau:

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên, thưởng cho ban quản lý điều hành của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.20 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa, hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm hoặc hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng sản phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỷ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp.

Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(c) Thu nhập lãi

Tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.20 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

(d) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

2.21 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ kế toán, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.22 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ kế toán chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và chi phí đi vay vốn.

2.23 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

2.24 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của kỳ kế toán hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ kế toán phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ kế toán hay một kỳ kế toán khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.24 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại (tiếp theo)

Thuế TNDN hoãn lại, sử dụng phương pháp công nợ, được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.25 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty trong cùng tập đoàn là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.26 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc của Công ty xác định rằng rủi ro và tỷ suất sinh lời của doanh nghiệp bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp. Do vậy báo cáo bộ phận chính yếu của Tập đoàn là theo lĩnh vực kinh doanh.

Đối với báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý, Công ty chỉ hoạt động trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không có bộ phận theo khu vực địa lý nào khác ngoài lãnh thổ Việt Nam.

2.27 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản nợ phải trả và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.27 Ước tính kế toán (tiếp theo)

Các ước tính và giá định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bao gồm:

- Dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính (Thuyết minh 2.8 và Thuyết minh 9); và
- Thời gian hữu dụng ước tính của TSCĐ (Thuyết minh 2.10 và Thuyết minh 8).

Các ước tính và giá định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giá định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và được Ban Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2025 VND	31/12/2024 VND
Tiền mặt	269.722.193	276.435.012
Tiền gửi ngân hàng	19.764.326.654	23.511.522.139
Các khoản tương đương tiền (*)	58.500.000.000	900.000.000
	<u>78.534.048.847</u>	<u>24.687.957.151</u>

(*) Bao gồm tiền gửi có các ngân hàng thương mại có kỳ hạn ban đầu không quá 3 tháng với lãi suất từ 3,2%/năm đến 4,4%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: lãi suất 3,2%/năm).

4 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/6/2025 VND	31/12/2024 VND
Bên thứ ba	2.969.928.794	2.905.925.014
Trong đó:		
- MAERSK A/S	745.797.840	795.242.400
- Công ty Cổ phần Giao nhận Toàn cầu DHL (Việt Nam)	1.817.168.937	1.623.957.139
- Khác	406.962.017	486.725.475
Bên liên quan (Thuyết minh 26(b))	14.589.323.134	6.554.253.026
	<u>17.559.251.928</u>	<u>9.460.178.040</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

Mẫu số B 09a - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KÊ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

5 PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	30/6/2025 VND	31/12/2024 VND
Bên liên quan (Thuyết minh 26(b))	-	44.666.666.668

6 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2025 VND	31/12/2024 VND
Bên thứ ba	21.249.740.050	61.714.050.004
<i>Trong đó:</i>		
- Đặt cọc cho hợp đồng mua nhiên liệu	20.800.000.000	-
- Tiền bán chứng khoán kinh doanh đang chờ về	-	40.417.438.852
- Phải thu liên quan đến việc điều chỉnh giá chuyển nhượng vốn góp Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ	-	20.800.000.000
- Khác	449.740.050	496.611.152
Bên liên quan (Thuyết minh 26(b))	21.087.691.203	14.843.534.247
	<u>42.337.431.253</u>	<u>76.557.584.251</u>
Dự phòng phải thu khó đòi	(318.328.521)	(318.328.521)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, số dự phải thu khác đã quá hạn thanh toán lần lượt là 18.762.328.521 Đồng và 14.068.328.521 Đồng.

7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/6/2025 VND	31/12/2024 VND
Chi phí thiết kế và sửa chữa văn phòng	7.287.943.684	9.456.988.868
Khác	460.042.521	150.583.710
	<u>7.747.986.205</u>	<u>9.607.572.578</u>

Biến động về chi phí trả trước dài hạn trong kỳ/năm như sau:

	30/6/2025 VND	31/12/2024 VND
Số dư đầu kỳ/năm	9.607.572.578	11.511.647.388
Tăng	411.618.181	1.938.753.562
Phân bổ trong kỳ/năm	(2.271.204.554)	(3.842.828.372)
Số dư cuối kỳ/năm	<u>7.747.986.205</u>	<u>9.607.572.578</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

8 TSCĐ

(a) TSCĐ hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	22.115.933.233	616.647.000	50.965.529.359	1.567.584.408	75.265.694.000
Mua mới trong kỳ	-	152.100.000.000	-	-	152.100.000.000
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	22.115.933.233	152.716.647.000	50.965.529.359	1.567.584.408	227.365.694.000
Giá trị khấu hao lũy kế					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	(16.082.610.407)	(513.986.611)	(33.471.249.044)	(1.489.715.732)	(51.557.561.794)
Khấu hao trong kỳ	(285.976.141)	(2.904.521.506)	(1.479.022.056)	(23.626.362)	(4.693.146.065)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	(16.368.586.548)	(3.418.508.117)	(34.950.271.100)	(1.513.342.094)	(56.250.707.859)
Giá trị còn lại					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	6.033.322.826	102.660.389	17.494.280.315	77.868.676	23.708.132.206
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	5.747.346.685	149.298.138.883	16.015.258.259	54.242.314	171.114.986.141

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 31.774.440.232 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 31.093.168.532 VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, một số TSCĐ hữu hình với giá trị còn lại là 149.210.645.162 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: không có) được sử dụng làm tài sản bảo đảm cho khoản vay ngân hàng của Công ty (Thuyết minh 13).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

8 TSCĐ (TIẾP THEO)**(b) TSCĐ vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	5.417.853.001	681.271.700	6.099.124.701
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	5.417.853.001	681.271.700	6.099.124.701
Giá trị khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	-	(681.271.700)	(681.271.700)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	-	(681.271.700)	(681.271.700)
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	5.417.853.001	-	5.417.853.001
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	5.417.853.001	-	5.417.853.001

Nguyên giá TSCĐ vô hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 681.271.700 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 681.271.700 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

Mẫu số B 09a – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025

9 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Tại ngày 30/6/2025			Tại ngày 31/12/2024		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
(a) Chứng khoán kinh doanh						
CTCP Vận tải và Xếp dỡ Hải An	1.012.486.382.069	1.083.273.750.000	-	-	-	-
CTCP Tập đoàn GELEX	99.191.861.545	124.340.040.000	-	147.694.731.400	124.952.200.000	(22.742.531.400)
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	-	-	-	158.421.092.245	168.635.680.000	-
Khác	62.702.681.304	66.773.000.000	(410.416.304)	125.489.947.435	133.883.550.000	(3.322.343.767)
	<u>1.174.380.924.918</u>	<u>1.274.386.790.000</u>	<u>(410.416.304)</u>	<u>431.605.771.080</u>	<u>427.471.430.000</u>	<u>(26.064.875.167)</u>
(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn						
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng thương mại	-	-	-	1.000.000.000	(*)	-
	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>1.000.000.000</u>	<u>(*)</u>	<u>-</u>
(c) Đầu tư vào công ty con						
Công ty Cổ phần Cảng xanh VIP	518.850.000.000	2.915.550.000.000	-	518.850.000.000	2.821.500.000.000	-
Công ty Cổ phần VSC Green Logistics	80.400.000.000	124.620.000.000	-	80.400.000.000	126.228.000.000	-
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	19.825.000.000	31.620.875.000	-	19.825.000.000	42.524.625.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	76.000.000.000	(*)	-	76.000.000.000	(*)	-
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	620.000.000.000	(*)	(85.239.087.916)	620.000.000.000	(*)	(90.096.824.132)
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	110.000.000.000	(*)	-	110.000.000.000	(*)	-
Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh	20.000.000.000	(*)	(2.688.856.620)	20.000.000.000	(*)	(3.251.978.509)
Công ty TNHH Cảng Nam Hải Định Vũ (i)	3.238.441.422.609	(*)	-	3.178.441.422.609	(*)	-
	<u>4.683.516.422.609</u>	<u>(*)</u>	<u>(87.927.944.536)</u>	<u>4.623.516.422.609</u>	<u>(*)</u>	<u>(93.348.802.641)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025

9 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Tại ngày 30/6/2025			Tại ngày 31/12/2024		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
(d) Đầu tư vào công ty liên kết						
Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	14.430.000.000	38.628.000.000	-	14.430.000.000	45.288.000.000	-
Công ty TNHH Tuyền Container T.S. Hà Nội	-	-	-	2.002.500.000	(*)	-
Công ty Cổ phần Cảng VIMC Đình Vũ	392.492.736.000	(*)	(46.328.787.061)	392.492.736.000	(*)	(44.930.880.588)
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Vinaship	365.107.488.450	265.263.180.000	-	365.107.488.450	301.991.928.000	-
	<u>772.030.224.450</u>	<u>(*)</u>	<u>(46.328.787.061)</u>	<u>774.032.724.450</u>	<u>(*)</u>	<u>(44.930.880.588)</u>
(e) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Công ty TNHH MSC Việt Nam	155.000.000	(*)	-	155.000.000	(*)	-
	<u>155.000.000</u>	<u>(*)</u>	<u>-</u>	<u>155.000.000</u>	<u>(*)</u>	<u>-</u>

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư có thể khác với giá trị ghi sổ.

(i) Theo Nghị quyết số 03142/2025/NQ-HĐQT đề ngày 14 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng Quản trị của Công ty, Công ty đã tăng vốn bằng tiền cho Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ với giá trị là 60 tỷ đồng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, các khoản đầu tư tài chính dài hạn được sử dụng để bảo đảm cho các khoản vay với ngân hàng của Công ty (Thuyết minh 13), bao gồm:

- 51,00% vốn góp tại Công ty Cổ phần Cảng xanh VIP; và
- 99,99% vốn góp tại Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

10 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước trong kỳ như sau:

	Tại ngày 1/1/2025 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số thực trả/ thực nhận trong kỳ VND	Cán trừ VND	Tại ngày 30/6/2025 VND
(a) Thuế GTGT được khấu trừ					
Thuế GTGT	10.892.687.241	18.656.575.934	-	(7.072.716.255)	22.476.546.920
(b) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước					
Thuế TNDN	1.229.125.740	-	-	(1.110.549)	1.228.015.191
Thuế thu nhập cá nhân	159.100.581	-	-	(159.100.581)	-
Thuế đất	117.159.414	-	-	(117.159.414)	-
	1.505.385.735	-	-	(277.370.544)	1.228.015.191
(c) Phải nộp					
Thuế GTGT	-	7.222.073.159	(149.356.904)	(7.072.716.255)	-
Thuế TNDN	-	1.110.548	-	(1.110.548)	-
Thuế thu nhập cá nhân	214.242.000	9.671.841.662	(4.336.446.455)	(159.100.581)	5.390.536.626
Thuế đất	-	3.508.284.742	(3.134.703.828)	(117.159.414)	256.421.500
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước khác	-	18.675.312	(18.675.312)	-	-
	214.242.000	20.421.985.423	(7.639.182.499)	(7.350.086.798)	5.646.958.126

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

11 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/6/2025 VND	31/12/2024 VND
Lãi vay phải trả	37.017.702.334	33.294.155.220
Chi phí thưởng nhân viên	5.400.000.000	6.773.657.000
Khác	-	780.300.000
	<u>42.417.702.334</u>	<u>40.848.112.220</u>

12 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2025 VND	31/12/2024 VND
Bên thứ ba	150.828.902.253	5.688.014.103
<i>Trong đó:</i>		
- Cổ tức phải trả (Thuyết minh 16)	145.018.864.300	349.373.450
- Khác	5.810.037.953	5.338.640.653
Bên liên quan (Thuyết minh 26(b)) (*)	136.776.833.032	105.097.403.440
	<u>287.605.735.285</u>	<u>110.785.417.543</u>

(*) Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 chủ yếu bao gồm khoản tiền mà các công ty con chuyển về cho Công ty với mục đích bổ sung vốn lưu động. Khoản tiền này không chịu lãi và không có thời hạn trả nợ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025

13 CÁC KHOẢN VAY

Biến động của các khoản vay trong kỳ như sau:

	Tại ngày 1/1/2025 VND	Giải ngân trong kỳ VND	Trả nợ gốc vay trong kỳ VND	Lãi nhập gốc VND (Thuyết minh 25)	Phân loại lại VND	Tại ngày 30/6/2025 VND
(a) Vay ngắn hạn						
Vay bên thứ ba	214.530.280.583	1.199.732.905.096	(669.523.957.724)	7.445.988.352	(9.216.107.521)	742.969.108.786
Trong đó:						
- Vay ngân hàng (i)	45.356.322.563	13.650.582.029	(11.616.986.709)	-	(9.216.107.521)	38.173.810.362
- Vay các tổ chức khác (ii)	169.173.958.020	1.186.082.323.067	(657.906.971.015)	7.445.988.352	-	704.795.298.424
(b) Vay dài hạn						
Vay ngân hàng (iii)	1.647.591.677.437	82.000.000.000	-	-	9.216.107.521	1.738.807.784.958

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

13 CÁC KHOẢN VAY (TIẾP THEO)

(i) Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 bao gồm:

- Khoản vay ngắn hạn với số tiền là 5.965.595.320 Đồng của Công ty với Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng theo hợp đồng số HPG20242027583/HDTD đề ngày 28 tháng 6 năm 2024, có thời hạn 1 năm với hạn mức 6 tỷ đồng với mục đích tài trợ vốn lưu động. Thời hạn của khoản vay là 3 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất của khoản vay là 5,61%/năm, được trả hàng tháng.
- Khoản vay dài hạn đến hạn trả với số tiền là 32.208.215.042 đồng của Công ty với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng theo hợp đồng số 1603LAV240060024 đề ngày 4 tháng 7 năm 2024 và hợp đồng số 1603LAV250027705 đề ngày 14 tháng 3 năm 2025.

(ii) Số dư này phản ánh các khoản vay của Công ty với các tổ chức khác với thời hạn vay từ 90 ngày tới 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất được xác định tại thời điểm giải ngân từng khoản vay. Lãi vay sẽ được thanh toán hàng tháng, hoặc nhập gốc hàng tháng hoặc sẽ được thanh toán vào cuối kỳ hạn tùy thuộc vào thỏa thuận giữa Tập đoàn và các bên cho vay. Mục đích vay là để phục vụ đầu tư chứng khoán và bổ sung vốn lưu động. Toàn bộ cổ phiếu có trong tài khoản giao dịch của Công ty tại các công ty chứng khoán được sử dụng để làm tài sản đảm bảo cho các hợp đồng vay này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

13 CÁC KHOẢN VAY (TIẾP THEO)s

(iii) Số dư vay dài hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 bao gồm các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng, có chi tiết như sau:

TT	Số hợp đồng vay	Mục đích vay	Số dư dài hạn tại ngày 30/6/2025 VND	Lãi suất	Thanh toán gốc và lãi vay	Thời hạn
1	1603LAV24006002 4 để ngày 4 tháng 7 năm 2024	Tái tài trợ khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt - Chi nhánh Hải Phòng để thanh toán tiền mua phần vốn góp của Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ.	671.727.784.958	Lãi suất của khoản vay là 7%/năm cho 24 tháng đầu tiên, sau đó được điều chỉnh 3 tháng/lần bằng lãi suất cơ sở của Ngân hàng cộng bổ có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh + 2,5%/năm.	Gốc vay được ân hạn đến tháng 2 năm 2025, sau đó được hoàn trả 3 tháng/lần trong 53 phân kỳ. Trong năm 2024, 3 phân kỳ hoàn trả gốc vay đầu tiên đã được Công ty thanh toán trước hạn với ngân hàng. Lịch hoàn trả gốc vay của các phân kỳ còn lại không thay đổi. Lãi vay được trả hàng tháng. Kỳ trả lãi đầu tiên là ngày 25 tháng 8 năm 2024.	Ngày 17 tháng 5 năm 2038
2	1603LAV24006002 5 để ngày 4 tháng 7 năm 2024	Thanh toán tiền mua phần vốn góp tại Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ thuộc sở hữu của thành viên góp vốn là Công ty Đoàn Huy và Công ty Huy Hoàng.	700.000.000.000	Lãi suất của khoản vay là 7%/năm cho 24 tháng đầu tiên, sau đó được điều chỉnh 3 tháng/lần bằng lãi suất cơ sở của Ngân hàng cộng bổ có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh + 2,5%/năm.	Gốc vay được ân hạn đến 18 tháng kể từ ngày giải ngân, sau đó được hoàn trả 6 tháng/lần trong 27 phân kỳ. Lãi vay được trả 6 tháng/lần. Kỳ trả lãi đầu tiên là ngày 25 tháng 1 năm 2025.	180 tháng kể từ ngày giải ngân
3	1603LAV24009906 8 để ngày 12 tháng 9 năm 2024	Bù đắp vốn tự có đối với tiền nhận chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ.	290.000.000.000	Lãi suất của khoản vay là 7%/năm cho 12 tháng đầu tiên, sau đó được điều chỉnh 3 tháng/lần bằng lãi suất cơ sở của Ngân hàng cộng bổ có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh + 2,5%/năm.	Gốc vay được ân hạn đến 15 tháng, sau đó được hoàn trả 6 tháng/lần trong 26 phân kỳ. Lãi vay được trả 6 tháng/lần. Kỳ trả lãi đầu tiên là ngày 25 tháng 1 năm 2025.	Ngày 14 tháng 7 năm 2039
4	1603LAV25002770 5 để ngày 14 tháng 3 năm 2025	Thanh toán tiền mua cầu QC cho mục đích đầu tư của Công ty	77.080.000.000	Lãi suất của khoản vay là 7,5%/năm cho 12 tháng đầu tiên, sau đó được điều chỉnh 3 tháng/lần bằng lãi suất cơ sở của Ngân hàng cộng bổ có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh + 2,5%/năm.	Gốc vay được hoàn trả 1 tháng/lần trong 96 phân kỳ. Kỳ trả gốc đầu tiên là ngày 25 tháng 4 năm 2025 Lãi vay được trả 1 tháng/lần. Kỳ trả lãi đầu tiên là ngày 25 tháng 4 năm 2025.	Ngày 14 tháng 3 năm 2033
			<u>1.738.807.784.958</u>			

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

13 CÁC KHOẢN VAY (TIẾP THEO)

(iii) Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 có chi tiết như sau (tiếp theo):

Công ty sử dụng các tài sản sau để thế chấp cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng:

- 51% số cổ phần của Công ty tại Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP (Mã chứng khoán VGR) (Thuyết minh 9);
- Toàn bộ 100% quyền tài sản và phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ (Thuyết minh 9); và
- Một số TSCĐ hữu hình của Công ty với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 149.210.645.162 Đồng (Thuyết minh 8(a)).

14 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Biến động về Quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty trong kỳ như sau:

	30/6/2025 VND	31/12/2024 VND
Số dư đầu kỳ/năm	5.681.523.358	5.530.302.640
Trích lập trong kỳ/năm (Thuyết minh 16)	8.648.100.000	7.386.511.952
Sử dụng trong kỳ/năm	(2.541.800.000)	(7.235.291.234)
Số dư cuối kỳ/năm	<u>11.787.823.358</u>	<u>5.681.523.358</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

Mẫu số B 09a – DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

15 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	30/6/2025	31/12/2024
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	374.370.362	286.796.819
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	374.370.362	286.796.819
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	374.370.362	286.796.819

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu.

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/6/2025		31/12/2024	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam	68.125.000	18,20	46.225.000	16,12
Các cổ đông khác	306.245.362	82,80	240.571.819	83,88
	<u>374.370.362</u>	<u>100</u>	<u>286.796.819</u>	<u>100</u>

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Cổ phiếu phổ thông	
	Số lượng	VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	133.395.642	1.333.956.420.000
Cổ phiếu mới phát hành từ tăng vốn	133.395.642	1.333.956.420.000
Cổ phiếu mới phát hành từ chia cổ tức bằng cổ phiếu	20.005.535	200.055.350.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	<u>286.796.819</u>	<u>2.867.968.190.000</u>
Cổ phiếu mới phát hành từ tăng vốn theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty ("ESOP") (Thuyết minh 16)	12.704.000	127.040.000.000
Cổ phiếu mới phát hành từ nguồn quỹ đầu tư phát triển và thặng dư vốn cổ phần (Thuyết minh 16)	65.887.212	658.872.120.000
Cổ phiếu mới phát hành từ chia cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 16)	8.982.331	89.823.310.000
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	<u>374.370.362</u>	<u>3.743.703.620.000</u>

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025

16 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	1.333.956.420.000	39.403.521.246	646.734.369.757	247.774.090.472	2.267.868.401.475
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(7.386.511.952)	(7.386.511.952)
Thường Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Vốn tăng trong năm	1.333.956.420.000	-	-	-	1.333.956.420.000
Chia cổ tức năm 2023 bằng cổ phiếu	200.055.350.000	-	-	(200.055.350.000)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	259.851.372.055	259.851.372.055
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	2.867.968.190.000	39.403.521.246	646.734.369.757	298.183.600.575	3.852.289.681.578
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 14) (*)	-	-	-	(8.648.100.000)	(8.648.100.000)
Thường Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (*)	-	-	-	(5.900.000.000)	(5.900.000.000)
Vốn tăng trong năm theo chương trình ESOP (**)	127.040.000.000	-	-	-	127.040.000.000
Chia cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu (***)	89.823.310.000	-	-	(89.823.310.000)	-
Vốn tăng trong năm từ Quỹ đầu tư phát triển và Thặng dư vốn cổ phần (****)	658.872.120.000	(39.403.521.246)	(619.468.598.754)	-	-
Chia cổ tức năm 2024 bằng tiền (*****)	-	-	-	(149.750.409.500)	(149.750.409.500)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	207.430.801.031	207.430.801.031
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	3.743.703.620.000	-	27.265.771.003	251.492.582.106	4.022.461.973.109

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

16 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

(*) Theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ đề ngày 25 tháng 4 năm 2025, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2024.

(**) Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ đề ngày 10 tháng 6 năm 2024, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 0228/2025/NQ-HĐQT đề ngày 28 tháng 2 năm 2025, Hội đồng Quản trị đã thông qua kết quả đợt phát hành cổ phiếu cho người lao động. Ngày 7 tháng 3 năm 2025, Công ty đã nhận được Công văn số 88/UBCK-QLCB của UBCKNN thông báo về việc UBCKNN đã nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP của Công ty. Số lượng cổ phiếu phát hành thành công là 12.704.000 cổ phiếu với tổng giá trị là 127.040.000.000 Đồng.

(***) Ngày 25 tháng 4 năm 2025, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã ban hành Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ về phương án trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 100:3 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu phổ thông được nhận 3 cổ phiếu phổ thông mới) và phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu với tỷ lệ 100:22 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu phổ thông được nhận 22 cổ phiếu phổ thông mới), trong đó, ngày đăng ký cuối cùng của các cổ đông là ngày 3 tháng 6 năm 2025.

Ngày 23 tháng 6 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty đã ban hành Nghị quyết số 0623/2025/NQ-HĐQT thông qua kết quả phát hành 8.982.331 cổ phiếu để trả cổ tức cho các cổ đông của Công ty và 65.887.212 cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển và Thặng dư vốn cổ phần, nâng tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành lên 374.370.362 cổ phiếu, đồng thời thông qua việc tăng vốn điều lệ của Công ty lên 3.743.703.620.000 Đồng. Công ty đã nhận được Công văn số 2622/UBCK-QLCB đề ngày 19 tháng 6 năm 2025 của UBCKNN thông báo về việc UBCKNN đã nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty.

Sau đó, ngày 24 tháng 6 năm 2025, Sở Kế hoạch và Đầu Tư Thành phố Hải Phòng đã cấp giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 32, trong đó thể hiện việc tăng vốn điều lệ lên 3.743.703.620.000 Đồng.

(****) Ngày 25 tháng 4 năm 2025, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã ban hành Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ về phương án trả cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 5% trên mệnh giá (cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu được nhận 500 Đồng) với tổng giá trị là 149.750.409.500 Đồng (đã bao gồm nghĩa vụ thuế thu nhập cá nhân là 5.080.918.650 Đồng), trong đó, ngày đăng ký cuối cùng của các cổ đông là ngày 13 tháng 6 năm 2025. Thời gian thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền nêu trên là ngày 11 tháng 7 năm 2025.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

17 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CẦN ĐÒI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ 170,55 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 2.807,62 Đô la Mỹ).

18 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 1/1/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 1/1/2024 đến 30/6/2024 VND
Doanh thu thuần từ bán hàng	46.994.654.709	-
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ quản lý	11.826.000.000	11.498.000.000
Doanh thu thuần từ hoạt động khác	16.921.957.542	10.605.662.575
	<u>75.742.612.251</u>	<u>22.103.662.575</u>

19 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ 1/1/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 1/1/2024 đến 30/6/2024 VND
Chi phí mua hàng hóa	44.742.806.204	54.786.468
Chi phí nhân viên	4.549.193.000	4.544.726.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.485.218.390	4.073.569.186
Chi phí khấu hao	3.747.724.337	1.825.525.894
Chi phí khác	103.379.154	159.864.137
	<u>57.628.321.085</u>	<u>10.658.471.685</u>

20 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 1/1/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 1/1/2024 đến 30/6/2024 VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia từ công ty con, công ty liên kết (Thuyết minh 26(a))	236.009.825.054	359.820.003.242
Lãi từ giao dịch chứng khoán	58.603.963.559	10.137.282.117
Khác	2.383.208.536	5.105.518.309
	<u>296.996.997.149</u>	<u>375.062.803.668</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

Mẫu số B 09a - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025****21 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 1/1/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 1/1/2024 đến 30/6/2024 VND
Chi phí lãi vay	81.230.317.073	51.418.628.974
Lỗ từ giao dịch chứng khoán (Hoàn nhập)/dự phòng cho khoản đầu tư tài chính	14.557.568.196 (4.022.951.632)	- 36.432.998.508
Hoàn nhập dự phòng cho khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh	(25.654.458.863)	-
Khác	998.554.597	578.359.948
	<u>67.109.029.371</u>	<u>88.429.987.430</u>

22 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 1/1/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 1/1/2024 đến 30/6/2024 VND
Chi phí nhân viên	16.879.235.971	14.290.411.536
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.064.366.126	6.465.909.849
Chi phí thuê và cải tạo văn phòng	7.383.682.438	9.477.307.982
Khác	5.523.501.231	1.377.086.750
	<u>37.850.785.766</u>	<u>31.610.716.117</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**
23 THUẾ TNDN

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	Từ 1/1/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 1/1/2024 đến 30/6/2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	207.431.911.579	260.015.301.083
Thuế tính ở thuế suất 20%	41.486.382.316	52.003.060.217
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	109.004.664	108.904.662
Thu nhập cổ tức nhận được từ các khoản đầu tư tài chính không chịu thuế TNDN	(47.348.965.011)	(71.964.000.648)
Lỗ tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại	6.794.943.565	12.689.371.306
Chênh lệch tạm thời mà không ghi nhận thuế TNDN hoãn lại	(1.040.254.986)	7.163.605.491
Chi phí thuế TNDN (**)	<u>1.110.548</u>	<u>941.028</u>
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ:		
Thuế TNDN – hiện hành	1.110.548	941.028
Thuế TNDN – hoãn lại	-	-
Chi phí thuế TNDN	<u>1.110.548</u>	<u>941.028</u>

(**) Chi phí thuế TNDN cho kỳ kế toán được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

Các khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính. Các khoản lỗ ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của Công ty như sau:

Năm tài chính/kỳ phát sinh lỗ	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Số lỗ phát sinh VND	Số lỗ còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau VND
2024	Chưa kiểm tra	156.961.982.000	156.961.982.000
Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Chưa kiểm tra	<u>33.974.717.825</u>	<u>33.974.717.825</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

23 THUẾ TNDN (TIẾP THEO)

Công ty không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế trên vì khả năng Công ty có thu nhập kinh doanh chịu thuế trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗ tính thuế này được đánh giá là không chắc chắn.

24 CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong kỳ kế toán từ hoạt động kinh doanh của Công ty, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	Từ 1/1/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 1/1/2024 đến 30/6/2024 VND
Chi phí nhân viên	21.428.428.971	18.835.137.536
Dịch vụ mua ngoài	15.269.217.568	10.539.479.035
Chi phí thuê và cải tạo văn phòng	7.383.682.438	9.519.799.368
Chi phí khấu hao	4.693.146.065	1.825.525.894
Khác	4.681.458.657	1.549.245.969
	<u>53.455.933.699</u>	<u>42.269.187.802</u>

25 CÁC GIAO DỊCH KHÔNG BẰNG TIỀN ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

	Từ 1/1/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 1/1/2024 đến 30/6/2024 VND
Lãi nhập gốc vay trong kỳ (Thuyết minh 13)	7.445.988.352	8.068.441.502
Cán trừ công nợ phải thu khác với khoản vay ngắn hạn	-	19.388.646.953
Cổ phiếu mới phát hành từ nguồn quỹ đầu tư phát triển và thặng dư vốn cổ phần (Thuyết minh 16)	658.872.120.000	-
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 16)	89.823.310.000	-
Cổ tức bằng tiền phải trả (Thuyết minh 16)	149.750.409.500	-
	<u>7.445.988.352</u>	<u>8.068.441.502</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

26 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty là một công ty cổ phần.

Chi tiết của các bên liên quan chính và mối quan hệ như sau:

Tên	Mối quan hệ
- Công ty Cổ phần Cảng xanh VIP	Công ty con
- Công ty Cổ phần VSC Green Logistics	Công ty con
- Công ty Cổ phần Container Miền Trung	Công ty con
- Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	Công ty con
- Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh	Công ty con
- Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	Công ty con
- Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	Công ty con
- Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ	Công ty con (từ 18/7/2024)
- Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ	Công ty con gián tiếp
- Công ty Cổ phần Container Qui Nhơn	Công ty con gián tiếp
- Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	Công ty liên kết
- Công ty TNHH Tuyến Container T.S. Hà Nội	Công ty liên kết (đến ngày 23/1/2025)
- Công ty Cổ phần Cảng VIMC Đình Vũ	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship	Công ty liên kết
- Hội đồng Quản trị/Ban Kiểm soát/Ban Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

(a) Giao dịch với các bên liên quan

	Từ 1/1/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 1/1/2024 đến 30/6/2024 VND
i) Doanh thu bán hàng		
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	10.467.026.649	-
Công ty Cổ phần VSC Green Logistics	6.144.754.209	-
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	3.906.412.390	-
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	3.580.194.054	-
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	19.901.140.133	-
Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ	2.896.090.914	-
Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình - Đình Vũ	119.036.360	-
	<u>46.994.654.709</u>	<u>-</u>
ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	5.406.000.000	5.078.000.000
Công ty Cổ phần VSC Green Logistics	966.000.000	966.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	8.420.319.600	7.798.299.600
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	966.000.000	966.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	2.811.902.880	2.811.902.880
Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh	210.000.000	-
Công ty Cổ phần Cảng VIMC Đình Vũ	5.370.925.764	-
	<u>24.151.148.244</u>	<u>17.620.202.480</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

Mẫu số B 09a - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

26 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	Từ 1/1/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 1/1/2024 đến 30/6/2024 VND
iii) Mua hàng hóa và dịch vụ		
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	378.722.223	133.657.406
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	4.145.002.390	3.279.459.186
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	332.216.000	792.510.000
	<u>4.855.940.613</u>	<u>4.205.626.592</u>
iv) Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các công ty con, công ty liên kết (Thuyết minh 20)		
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	94.050.000.000	282.150.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	125.286.569.579	52.970.723.446
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	13.265.837.683	11.102.379.796
Công ty Cổ phần VSC Green Logistics	-	9.648.000.000
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	-	2.616.900.000
Công ty Cổ phần Cảng Logistics Đà Nẵng	1.332.000.000	1.332.000.000
Công ty TNHH Tuyến Container T.S. Hà Nội	2.075.417.792	-
	<u>236.009.825.054</u>	<u>359.820.003.242</u>
v) Gốc cho vay giải ngân		
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	7.000.000.000	-
	<u>7.000.000.000</u>	<u>-</u>
vi) Nhận tiền trả gốc vay		
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	7.000.000.000	1.894.736.842
Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ	44.666.666.666	-
	<u>51.666.666.666</u>	<u>1.894.736.842</u>
vii) Lãi cho vay		
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	13.808.219	342.085.580
Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ	596.863.013	-
	<u>610.671.232</u>	<u>342.085.580</u>
viii) Chi trả quỹ khen thưởng, phúc lợi cho các công ty con		
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	-	1.700.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh	-	700.000.000
Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ	-	500.000.000
	<u>-</u>	<u>2.900.000.000</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

26 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Từ 1/1/2025	Từ 1/1/2024
đến 30/6/2025	đến 30/6/2024
VND	VND

ix) Thù lao, lương, thưởng cho các nhân sự quản lý chủ chốt

Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm lương, thưởng, các khoản nhận được từ quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng ban điều hành từ lợi nhuận để lại của Công ty.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Xuân Dũng	Chủ tịch (từ ngày 25/4/2025)	330.000.000	-
Ông Nguyễn Đức Dũng	Chủ tịch (đến ngày 25/4/2025)		
	Thành viên (từ ngày 25/4/2025)	1.573.500.000	1.457.500.000
Ông Tạ Công Thông	Thành viên	500.000.000	-
Ông Ninh Văn Hiến	Thành viên	500.000.000	-
Ông Phan Tuấn Linh	Thành viên (đến ngày 25/4/2025)	500.000.000	-
Bà Trần Thị Phương Anh	Thành viên	500.000.000	-
Ông Cấp Trọng Cường	Thành viên (đến ngày 10/6/2024)	-	1.166.783.563
		-	1.166.783.563

Ban Kiểm soát

Bà Đoàn Thị Lan Anh	Trưởng ban (từ ngày 25/4/2025)	621.603.000	-
Ông Nguyễn Đức Thành	Trưởng ban (đến ngày 25/4/2025)	764.000.000	-
Bà Nghiêm Thị Thùy Dương	Thành viên	100.000.000	-
Bà Phan Thị Trung Hiếu	Thành viên (từ ngày 25/4/2025)	-	-
Bà Ngô Thị Thủy Lương	Thành viên (đến ngày 25/4/2025)	50.000.000	-
		50.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025

26 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

		Từ 1/1/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 1/1/2024 đến 30/6/2024 VND
<i>ix) Thù lao, lương, thưởng cho các nhân sự quản lý chủ chốt (tiếp theo)</i>			
Ban Điều hành			
Ông Tạ Công Thông	Tổng Giám đốc	Như trên	Như trên
Ông Cáp Trọng Cường	Tổng Giám đốc (đến ngày 28/2/2024)	Như trên	Như trên
Ông Nguyễn Thế Trọng	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1/1/2025)	-	1.706.072.458
Bà Trương Anh Thư	Phó Tổng Giám đốc Giám đốc tài chính	1.360.000.000	512.800.000
Ông Vũ Ngọc Lâm	Phó Tổng Giám đốc	1.071.170.000	-
Ông Nguyễn Đức Thành	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 5/5/2025)	Như trên	-
Ông Phan Văn Hưng	Giám đốc Tài chính (đến ngày 1/3/2024)	-	990.666.667
Ông Phạm Thanh Tuấn	Kế toán trưởng	1.209.000.000	511.600.000
Ông Lê Thế Trung	Chánh văn phòng HĐQT (đến ngày 1/6/2025) Kế toán trưởng (đến ngày 1/3/2024)	867.174.000	1.056.000.000

(b) Số dư cuối kỳ kế toán với các bên liên quan

		30/6/2025 VND	31/12/2024 VND
<i>i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 4)</i>			
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP		1.782.635.009	-
Công ty Cổ phần Cảng VIMC Đình Vũ		5.389.794.066	-
Công ty Cổ phần Cảng cận Quảng Bình - Đình Vũ		13.806.320	-
Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ		549.384.358	-
Công ty cổ phần VSC Green Logistics		593.485.434	-
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh		492.907.607	1.071.280.040
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh		1.504.517.491	4.975.977.458
Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh		77.000.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh		4.185.792.849	506.995.528
		<u>14.589.323.134</u>	<u>6.554.253.026</u>
<i>ii) Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh 5)</i>			
Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ		-	44.666.666.668

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

Mẫu số B 09a - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025

26 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(b) Số dư cuối kỳ kế toán với các bên liên quan (tiếp theo)

	30/6/2025 VND	31/12/2024 VND
iii) Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 6)		
Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh	20.644.000.000	14.750.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	443.691.203	-
Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ	-	93.534.247
	<u>21.087.691.203</u>	<u>14.843.534.247</u>
iv) Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	7.550.000	25.130.000
	<u>7.550.000</u>	<u>25.130.000</u>
v) Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 12)		
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	69.107.241.186	83.393.810.765
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	1.584.135.801	1.636.019.584
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	2.000.000.000	10.456.308.797
Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh	3.341.877.545	700.000.000
Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình - Đình Vũ	-	500.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	4.743.578.500	8.411.264.294
Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ	52.000.000.000	-
Công ty Cổ phần VSC Green Logistics	2.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	2.000.000.000	-
	<u>136.776.833.032</u>	<u>105.097.403.440</u>

27 CÁC CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG

Công ty phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai, chủ yếu là tiền thuê văn phòng, như sau:

	30/6/2025 VND	31/12/2024 VND
Dưới 1 năm	13.942.410.000	13.942.410.000
Từ 1 đến 5 năm	36.849.012.137	43.541.646.732
Trên 5 năm	13.966.190.192	14.220.504.118
	<u>64.757.612.329</u>	<u>71.704.560.850</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

28 BẢO CÁO BỘ PHẬN

Doanh thu và chi phí theo lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty như sau:

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025			Tổng cộng VND
	Hoạt động bán hàng hóa VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ VND	Hoạt động đầu tư tài chính VND	
Doanh thu thuần của bộ phận	46.994.654.709	28.747.957.542	296.997.153.302	372.739.765.553
Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	(6.964.350.619)	-	(6.964.350.619)
Tổng chi phí phân bổ ngoại trừ chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	(44.742.806.204)	(5.921.164.262)	(67.109.114.071)	(117.773.084.537)
	<u>2.251.848.505</u>	<u>15.862.442.661</u>	<u>229.888.039.231</u>	<u>248.002.330.397</u>
Chi phí chung không phân bổ				(40.570.418.818)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN				<u>207.431.911.579</u>
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ				<u>152.100.000.000</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

28 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

Doanh thu và chi phí theo lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty như sau (tiếp theo):

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024			Tổng cộng VND
	Hoạt động bán hàng hóa VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ VND	Hoạt động đầu tư tài chính VND	
Doanh thu thuần của bộ phận	-	22.103.662.575	376.120.625.464	398.224.288.039
Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	(2.735.184.351)	-	(2.735.184.351)
Tổng chi phí phân bổ ngoài trừ chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	(7.923.287.334)	(95.939.799.154)	(103.863.086.488)
	-	11.445.190.890	280.180.826.310	291.626.017.200
Chi phí chung không phân bổ				(31.610.716.117)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN				260.015.301.083
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ				53.318.182

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

Mẫu số B 09a - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

28 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

Tài sản và nợ phải trả theo lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty như sau:

	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025			Tổng cộng VND
	Hoạt động bán hàng hóa VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ VND	Hoạt động đầu tư tài chính VND	
Tài sản bộ phận				
Trong đó:				
- Hàng tồn kho	996.917.266	-	-	996.917.266
- Chứng khoán kinh doanh	-	-	1.173.970.508.614	1.173.970.508.614
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.899.548.452	11.659.703.476	-	17.559.251.928
- Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	-	-	-
- Phải thu ngắn hạn khác	20.800.000.000	-	21.537.431.253	42.337.431.253
- TSCĐ hữu hình	-	157.962.909.612	-	157.962.909.612
- Đầu tư vào công ty con	-	-	4.595.588.478.073	4.595.588.478.073
- Đầu tư vào công ty liên kết	-	-	725.701.437.389	725.701.437.389
- Đầu tư dài hạn khác	-	-	155.000.000	155.000.000
Tổng tài sản phân bổ	27.696.465.718	169.622.613.088	6.516.952.855.329	6.714.271.934.135
Tài sản không phân bổ				144.188.140.100
Tổng tài sản				6.858.460.074.235

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

28 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

Tài sản và nợ phải trả theo lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty như sau (tiếp theo):

	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025			Tổng cộng VND
	Hoạt động bán hàng hóa VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ VND	Hoạt động đầu tư tài chính VND	
Nợ phải trả bộ phận				
<i>Trong đó:</i>				
- <i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>	2.367.129.100	875.380.225	-	3.242.509.325
- <i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>	-	1.089.335.134	-	1.089.335.134
- <i>Chi phí phải trả ngắn hạn</i>	-	5.400.000.000	37.017.702.334	42.417.702.334
- <i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</i>	-	5.965.595.320	737.003.513.466	742.969.108.786
- <i>Phải trả ngắn hạn khác</i>	12.000.000.000	5.810.037.953	124.776.833.032	142.586.870.985
- <i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</i>	-	-	1.738.807.784.958	1.738.807.784.958
Tổng nợ phải trả phân bổ	14.367.129.100	19.140.348.632	2.637.605.833.790	2.671.113.311.522
Nợ phải trả không phân bổ				164.884.789.604
Tổng nợ phải trả				2.835.998.101.126

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

28 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

Tài sản và nợ phải trả theo lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty như sau (tiếp theo):

	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024			Tổng cộng VND
	Hoạt động bán hàng hóa VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ VND	Hoạt động đầu tư tài chính VND	
Tài sản bộ phận				
Trong đó:				
- Hàng tồn kho	-	26.344.809	-	26.344.809
- Chứng khoán kinh doanh	-	-	405.540.895.913	405.540.895.913
- Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	-	9.141.849.519	-	9.460.178.040
- Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	-	44.666.666.668	44.666.666.668
- Phải thu ngắn hạn khác	-	-	76.557.584.251	76.557.584.251
- Đầu tư vào công ty con	-	-	4.530.167.619.968	4.530.167.619.968
- Đầu tư vào công ty liên kết	-	-	729.101.843.862	729.101.843.862
- Đầu tư dài hạn khác	-	-	155.000.000	155.000.000
Tổng tài sản phân bổ	-	9.168.194.328	5.787.189.610.662	5.796.676.133.511
Tài sản không phân bổ				83.049.528.241
Tổng tài sản				5.879.725.661.752

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

Mẫu số B 09a - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

28 BẢO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

Tài sản và nợ phải trả theo lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty như sau (tiếp theo):

	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024			
	Hoạt động bán hàng hóa VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ VND	Hoạt động đầu tư tài chính VND	Tổng cộng VND
Nợ phải trả bộ phận				
<i>Trong đó:</i>				
- Phải trả người bán ngắn hạn	-	3.088.620.156	-	3.088.620.156
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn	-	1.089.335.134	-	1.089.335.134
- Chi phí phải trả ngắn hạn	-	7.553.957.000	33.294.155.220	40.848.112.220
- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	2.948.000.000	211.582.280.583	214.530.280.583
- Phải trả ngắn hạn khác	-	5.687.883.403	105.097.534.140	110.785.417.543
- Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	1.647.591.677.437	1.647.591.677.437
Tổng nợ phải trả phân bổ	-	20.367.795.693	1.997.565.647.380	2.017.933.443.073
Nợ phải trả không phân bổ				9.502.537.101
Tổng nợ phải trả				2.027.435.980.174

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025****29 NỢ TIỀM TÀNG****Chi phí khôi phục và hoàn trả mặt bằng lô đất thuê**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty đã ký các hợp đồng thuê đất và đã thực hiện xây dựng công trình và hạ tầng trên các lô đất thuê này. Một số các hợp đồng này nêu việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc hợp đồng thuê đất được thực hiện theo quy định của pháp luật. Căn cứ theo các quy định hiện hành, Công ty có thể có nghĩa vụ trong tương lai liên quan đến việc tháo dỡ, di dời các tài sản của Công ty ra khỏi khu đất và phục hồi khu đất về trạng thái ban đầu. Theo đánh giá của Ban Giám đốc, nghĩa vụ này chỉ có thể xác định được chắc chắn tùy thuộc vào các sự kiện có thể phát sinh trong tương lai, ví dụ như các thỏa thuận bổ sung với bên cho thuê đất hoặc khi cơ quan chức năng ban hành bổ sung các văn bản pháp luật làm rõ nghĩa vụ của bên đi thuê khi hợp đồng thuê đất không quy định cụ thể nghĩa vụ hoàn nguyên. Ban Giám đốc của Công ty đánh giá rằng khi hợp đồng thuê đất không quy định cụ thể về nghĩa vụ khôi phục và hoàn trả mặt bằng, việc xác định các nghĩa vụ này được coi là không chắc chắn. Do đó, Ban Giám đốc chưa ghi nhận khoản dự phòng hoàn nguyên này vào báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

30 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**(a) Các giao dịch đầu tư góp vốn****(i) Nhận chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty TNHH Harbour City**

Ngày 1 tháng 7 năm 2025, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt Nghị quyết số 0701/2025/NQ-HĐQT thông qua chủ trương nhận chuyển nhượng 65% phần vốn góp Công ty TNHH Harbour City. Theo đó, Công ty đã ký kết hợp đồng nguyên tắc và phụ lục hợp đồng với đối tác và đã thực hiện đặt cọc 860 tỷ đồng trong tháng 7 năm 2025. Tại ngày ký báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, giao dịch này chưa được hoàn thành.

(ii) Nhận chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty TNHH Hạ tầng Công nghiệp và Bất động sản Viconship (“BDSV”)

Ngày 2 tháng 7 năm 2025, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt Nghị quyết số 0702/2025/NQ-HĐQT thông qua chủ trương ký hợp đồng đặt cọc với các đối tác để nhận chuyển nhượng 100% phần vốn góp tại BDSV. Theo đó, Công ty đã ký thỏa thuận đặt cọc với các đối tác và đã thực hiện đặt cọc 500 tỷ đồng trong tháng 7 năm 2025. Tại ngày ký báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, giao dịch này chưa được hoàn thành.

(iii) Nhận chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Vật liệu Kim Trang (“VLKT”)

Ngày 29 tháng 7 năm 2025, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt Nghị quyết số 0729/2025/NQ-HĐQT thông qua chủ trương ký hợp đồng đặt cọc với các đối tác để nhận chuyển nhượng 20% phần vốn góp tại VLKT. Theo đó, Công ty đã ký thỏa thuận đặt cọc với các đối tác và đã thực hiện đặt cọc 400 tỷ đồng trong tháng 7 năm 2025. Tại ngày ký báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, giao dịch này chưa được hoàn thành.

(iv) Góp vốn thành lập Công ty TNHH Hải An Green Shipping Lines

Ngày 15 tháng 8 năm 2025, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt Nghị quyết số 68/2025/NQ-HĐQT thông qua việc góp vốn 60% để thành lập doanh nghiệp Công ty TNHH Hải An Green Shipping Lines. Tại ngày ký báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, việc góp vốn này chưa được hoàn thành.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

30 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

(b) Các giao dịch tài chính

(i) Vay vốn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ("HD Bank") – Chi nhánh Hải Phòng

Ngày 27 tháng 6 năm 2025, Công ty đã ký hợp đồng tín dụng số 11478/25MB/HĐTD với HD Bank – Chi nhánh Hải Phòng, với hạn mức là 900 tỷ đồng. Thời hạn của khoản vay là 5 năm kể từ ngày giải ngân. Mục đích của khoản vay là để thanh toán tiền nhận chuyển nhượng một phần vốn góp tại Công ty TNHH Harbour City cho đối tác (Thuyết minh 30(a)(i)).

Vào ngày 1 tháng 7 năm 2025 và ngày 2 tháng 7 năm 2025, HD Bank – Chi nhánh Hải Phòng đã giải ngân cho đối tác lần lượt 467.421.000.000 Đồng và 392.579.000.000 Đồng để thực hiện việc đặt cọc.

Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản sau:

- Bất động sản ("BDS") tọa lạc tại Thửa 4 lô 30A KĐT M ngã 5 Sân bay Cát Bi, Phường Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng;
- BDS tọa lạc tại Thửa 5 lô 30A KĐT M ngã 5 Sân bay Cát Bi, Phường Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng;
- Quyền sử dụng đất và quyền tài sản trên đất tại lô CN4.4F, lô CN4.4G và lô CN4.4H, Khu Công nghiệp Đình Vũ, Phường Hải An, thuộc Khu Kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Thành phố Hải Phòng, thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ, công ty con của Công ty;
- Toàn bộ phần vốn góp của các thành viên góp vốn tại Công ty TNHH Harbour City.

(ii) Vay vốn doanh nghiệp

Ngày 30 tháng 7 năm 2025, Công ty đã ký hợp đồng vay 400 tỷ đồng từ đối tác với thời hạn 6 tháng để bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo và đã được giải ngân toàn bộ vào ngày 30 tháng 7 năm 2025.

(c) Các giao dịch khác

(i) Báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP

Theo Báo cáo số 93/BC-VSC đề ngày 7 tháng 7 năm 2025 và Báo cáo số 101/BC-VSC đề ngày 23 tháng 7 năm 2025, Công ty đã thông báo với UBCKNN và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về kết quả giao dịch cổ phiếu Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP (mã cổ phiếu: VGR), công ty con của Công ty. Theo đó, Công ty đã bán thành công 12.650.000 cổ phiếu, tương ứng 20% vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP, theo hình thức khớp lệnh và thỏa thuận trong thời gian từ ngày 1 tháng 7 năm 2025 đến ngày 23 tháng 7 năm 2025.

Sau khi hoàn tất giao dịch trên, Công ty đã giảm tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP từ 74,35% xuống còn 54,35%.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

**30 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
(TIẾP THEO)**

(c) Các giao dịch khác (tiếp theo)

(ii) Thay đổi về cổ đông lớn của Công ty

Từ ngày 25 tháng 7 đến ngày 14 tháng 8 năm 2025, Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam đã giảm tỷ lệ sở hữu tại Công ty xuống còn 2,8%, qua đó không còn là cổ đông lớn của Công ty.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được Ban Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 20 tháng 8 năm 2025.



Đoàn Thị Phương Thảo
Người lập



Phạm Thanh Tuấn
Kế toán trưởng



Tạ Công Thông
Tổng Giám đốc/
Người đại diện theo pháp luật

